

Số: /KH-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024;

Căn cứ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc khẩn trương tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

Thực hiện Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an về tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu (gọi tắt là CSDL) đất đai tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ PHẠM VI TRIỂN KHAI

1. Mục tiêu

- Hoàn thiện việc đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai của địa phương trong năm 2026 theo mục tiêu của Nghị quyết số 79-NQ/TW, bảo đảm toàn bộ các thửa đất trên phạm vi toàn tỉnh đều được tạo lập dữ liệu số.

- Tạo nền tảng để phát triển Chính phủ điện tử và công cụ để quản lý nhà nước về đất đai, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành minh bạch, hiệu quả, rõ trách nhiệm;

- Đưa CSDL đất đai vào quản lý, vận hành, khai thác phục vụ công tác quản lý nhà nước và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công về đất đai; cải cách và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp trên môi trường điện tử;

- Phấn đấu đến hết năm 2026, 100% thủ tục hành chính về đất đai đủ điều kiện được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

- Rà soát, kiến nghị hoàn thiện cơ chế, quy trình, quy định về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin đất đai; đẩy mạnh tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

2. Yêu cầu

- CSDL đất đai của tỉnh phải được xây dựng, hoàn thiện theo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”; bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

- Dữ liệu đất đai phải được vận hành, cập nhật thường xuyên, liên tục và duy trì chế độ đồng bộ theo thời gian thực lên CSDL quốc gia về đất đai;

- Kế thừa tối đa kết quả của Chiến dịch 90 ngày làm giàu, làm sạch CSDL quốc gia về đất đai (Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT), tập trung xử lý triệt để những tồn tại, điểm nghẽn đã được xác định qua Kế hoạch 515/KH-BCA-BNN&MT và sử dụng hiệu quả các tài liệu, hồ sơ, bản đồ hiện có bảo đảm dữ liệu sau khi xây dựng, hoàn thiện được đưa ngay vào quản lý, khai thác, sử dụng;

- Cơ sở dữ liệu đất đai của tỉnh phải được đồng bộ, tập trung, thống nhất về Trung ương, kết nối chia sẻ với CSDL quốc gia về dân cư, Trung tâm dữ liệu quốc gia và giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

- Rà soát, tái cấu trúc các quy trình, thủ tục hành chính, trong đó tập trung vào các thủ tục, quy trình nội bộ để cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong CSDL đất đai, CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL khác để giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất của người dân, doanh nghiệp; không yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp, khai báo lại các thông tin, giấy tờ đã được số hóa trong CSDL đất đai;

- Bảo đảm tuyệt đối về an toàn thông tin, an ninh mạng trong quá trình tổ chức triển khai xây dựng, hoàn thiện, vận hành và kết nối, chia sẻ CSDL đất đai;

- Việc triển khai phải được tập trung ưu tiên, quyết liệt, khoa học, chất lượng, hiệu quả với sự tham gia của toàn bộ các cấp, các sở, ban, ngành tỉnh đến cấp xã theo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền”.

3. Phạm vi triển khai

- Thời gian thực hiện: 09 tháng, từ 01/4/2026 đến 31/12/2026.

- Địa bàn triển khai: Trên phạm vi toàn tỉnh, tại cấp tỉnh Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh và các Sở ngành liên quan; triển khai tại địa phương là Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và được triển khai đến

khóm, ấp và khu phố.

- Về nhiệm vụ triển khai: (1) Rà soát, làm sạch toàn bộ CSDL đất đai đã được xây dựng qua các thời kỳ; (2) Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng CSDL đất đai.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đối với các thửa đất chưa được xây dựng CSDL để quản lý, khai thác sử dụng

1.1. Rà soát, tổng hợp khu vực, diện tích đã thực hiện đo đạc, lập bản đồ địa chính qua các thời kỳ của 102 đơn vị cấp xã để xác định phạm vi chưa có bản đồ địa chính và khối lượng cần đo đạc.

1.2. Đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính đối với những khu vực còn thiếu hoặc bản đồ không bảo đảm chất lượng; ưu tiên các khu vực có nhiều giao dịch, biến động, khu vực trọng điểm kinh tế.

1.3. Đăng ký đất đai, hoàn thiện hồ sơ địa chính.

1.4. Xây dựng CSDL đất đai. Số hóa, tạo lập dữ liệu đối với các thửa đất chưa có trong CSDL đất đai. Tạo lập Mã định danh duy nhất cho từng thửa đất để kết nối với Nền tảng địa chỉ số quốc gia, tránh trùng lặp.

2. Hoàn thiện, duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác CSDL đã được triển khai theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNN&MT

2.1. Duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác các thửa đất (nhóm 1) đã “đúng - đủ - sạch - sống”, chuyển từ phương thức quản lý thủ công, chuyển sang quản lý trên môi trường số, cập nhật biến động theo thời gian thực và tái sử dụng dữ liệu trong thủ tục hành chính liên quan.

2.2. Đối với số lượng thửa đất đã có trong CSDL còn lại (nhóm 2) thực hiện hoàn thiện, đối khớp, bổ sung thông tin, làm đúng - đủ - sạch - sống; hoàn thiện, chuẩn hóa đầy đủ 3 khối thông tin: dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính và dữ liệu phi cấu trúc (hồ sơ quét).

2.3. Đồng bộ theo thời gian thực, thiết lập và vận hành cơ chế đồng bộ dữ liệu tự động giữa CSDL đất đai của địa phương và CSDL quốc gia về đất đai ngay khi có biến động, đảm bảo dữ liệu luôn "sống".

3. Hoàn thành hạ tầng và phần mềm thống nhất

Rà soát, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo vận hành.

4. Triển khai, hướng dẫn quy trình, nghiệp vụ về đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

4.1. Tiếp nhận, tổ chức tập huấn và triển khai thống nhất tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ về đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng CSDL đất đai do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

4.2. Phối hợp triển khai việc tiếp nhận kết quả xác thực, tái sử dụng thông tin

của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thông qua ứng dụng VNeID và các nền tảng số khác theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

4.3. Cấu hình hệ thống, hoàn thiện quy trình để khi người sử dụng đất thực hiện thủ tục hành chính có thể trích xuất, tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong hệ thống.

5. Đồng bộ, kết nối, chia sẻ CSDL đất đai thống nhất, dùng chung

5.1. Đồng bộ CSDL đất đai của toàn tỉnh tập trung, thống nhất về CSDL quốc gia về đất đai.

5.2. Tiếp tục, mở rộng kết nối, chia sẻ, thống nhất, dùng chung CSDL đất đai của tỉnh với CSDL quốc gia về dân cư.

5.3. Tiếp tục, mở rộng kết nối, chia sẻ CSDL đất đai với các cơ quan tại địa phương để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất và xác định nghĩa vụ tài chính cho người dân, doanh nghiệp.

6. Quản lý, vận hành CSDL đất đai, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn hệ thống

6.1. Tái cấu trúc các quy trình, thủ tục hành chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất để cắt giảm các thành phần hồ sơ giấy, sử dụng thông tin, dữ liệu đã có trong CSDL đất đai, CSDL quốc gia về dân cư và các CSDL khác để giải quyết thủ tục hành chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất của người dân, doanh nghiệp.

6.2. Nâng cao mức độ dịch vụ công trực tuyến dựa trên dữ liệu đất đai và dữ liệu dân cư; mở rộng các thủ tục thực hiện trực tuyến toàn trình.

6.3. Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật CSDL đất đai; xây dựng phương án dự phòng, ứng phó khi xảy ra sự cố; triển khai cơ chế kiểm toán, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin; bảo đảm phục vụ người dân, doanh nghiệp thông suốt, không bị gián đoạn.

6.4. Duy trì các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ; thiết lập và thực hiện nghiêm cơ chế phân quyền, kiểm soát truy cập, ghi nhật ký mọi thao tác đối với dữ liệu; định kỳ đánh giá, kiểm tra an ninh mạng, an toàn thông tin.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

1. Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ Công tác tại cấp tỉnh, cấp xã để tổ chức triển khai công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành CSDL đất đai:

1.1. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, Tổ công tác cấp tỉnh.

Ban Chỉ đạo cấp tỉnh do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban, Phó trưởng Ban Thường trực là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, thành viên là lãnh đạo các sở, ngành liên quan.

Tổ công tác sẽ do Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường là Tổ trưởng, thành viên là lãnh đạo các phòng của các Sở ngành liên quan, các phòng chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Kết quả: Quyết định thành lập ban chỉ đạo, tổ công tác.
- Thời hạn hoàn thành: Ngày 10/5/2026.

1.2. Thành lập Ban Chỉ đạo cấp xã, Tổ công tác cấp xã.

Ban Chỉ đạo cấp xã do Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã là Trưởng ban, Phó trưởng Ban thường trực là Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/phòng Kinh tế/phòng Nông nghiệp và Môi trường, thành viên là lãnh đạo các phòng, ban liên quan.

Tổ công tác sẽ do Lãnh đạo phòng kinh tế hạ tầng là Tổ trưởng, thành viên là chuyên viên là các phòng, ban liên quan.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Đơn vị phối hợp: Công an xã.
- Kết quả: Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác.
- Thời hạn hoàn thành: Ngày 10/5/2026.

2. Xây dựng và ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện nhiệm vụ đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai năm 2026.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Kết quả: Kế hoạch chi tiết triển khai các nhiệm vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính, xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai năm 2026.
- Thời gian hoàn thành: Ngày 10/5/2026.

3. Tổ chức tuyên truyền, vận động và tạo đồng thuận xã hội

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
- Đơn vị phối hợp: Sở Văn hóa và Thể thao; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.
- Kết quả: Xây dựng và triển khai các chương trình tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, ý nghĩa của việc hoàn thành CSDL đất đai năm 2026; nhấn mạnh lợi ích thiết thực đối với người dân, doanh nghiệp (giảm hồ sơ, giảm thời gian, minh bạch thông tin...); Vận động người dân, tổ chức, doanh nghiệp phối hợp cung cấp giấy tờ, thông tin cần thiết để phục vụ việc làm giàu, làm sạch dữ liệu; khuyến khích thực hiện thủ tục hành chính qua môi trường điện tử; thiết lập, công khai các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến việc cập nhật, chỉnh lý dữ liệu đất đai; xử lý kịp thời các thông tin phản ánh chính đáng của người dân.

- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

4. Rà soát, thống kê, phân loại hiện trạng CSDL đất đai trên địa bàn tỉnh.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Đơn vị phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Rà soát, thống kê đầy đủ số lượng thửa đất trên địa bàn; phân loại theo 03 nhóm: đã “đúng - đủ - sạch - sống”; đã có trong CSDL nhưng cần hoàn thiện; chưa xây dựng CSDL; lập bản đồ hiện trạng phủ kín CSDL đất đai của địa phương, xác định rõ các khu vực còn “trắng” dữ liệu, khu vực dữ liệu chất lượng thấp, khu vực ưu tiên xử lý theo từng giai đoạn; trên cơ sở kết quả rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh kế hoạch chi tiết, phân bổ lại chỉ tiêu và nguồn lực cho phù hợp với thực tế từng địa bàn.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 4/2026.

5. Rà soát, hoàn thiện hạ tầng và phần mềm

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính.

- Kết quả: Rà soát tổng thể hệ thống máy chủ, đường truyền, thiết bị an toàn bảo mật tại địa phương để có phương án nâng cấp, thuê dịch vụ CNTT, đảm bảo đáp ứng yêu cầu vận hành CSDL đất đai tập trung.

- Thời gian hoàn thành: Ngày 10/5/2026.

6. Tổ chức duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác các thửa đất đã “đúng - đủ - sạch - sống”

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
- Đơn vị phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp xã; Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Kết quả: Ban hành hoặc hoàn thiện quy trình nội bộ về tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cập nhật, chỉnh lý biên động đối với nhóm thửa đất đã đạt chuẩn, bảo đảm mọi biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được cập nhật kịp thời vào CSDL; phân công rõ trách nhiệm từng cấp, từng bộ phận (Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp xã) trong việc ghi nhận, kiểm tra, phê duyệt và đồng bộ dữ liệu; thiết lập cơ chế theo dõi, cảnh báo tự động các hồ sơ biến động quá hạn chưa cập nhật; định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng cập nhật nhóm thửa đất đã được chuẩn hóa.

- Khối lượng thực hiện: 676.775 thửa.
- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

7. Tổ chức làm giàu, làm sạch và hoàn thiện các thửa đất đã có trong CSDL nhưng chưa đảm bảo “đúng - đủ - sạch - sống”

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Chỉ đạo xây dựng kế hoạch chi tiết để bổ sung, hoàn thiện các trường thông tin thuộc tính, pháp lý và không gian đối với các thửa đất, trong đó

ưu tiên các khu vực đô thị, khu vực có nhiều giao dịch, khu vực có nguy cơ tranh chấp, khiếu kiện; thành lập các tổ kỹ thuật làm giàu, làm sạch dữ liệu tại cấp tỉnh, phối hợp chặt chẽ với UBND cấp xã trong việc đối chiếu hồ sơ giấy, xác minh ngoài thực địa khi cần thiết; tổ chức kiểm tra chéo, nghiệm thu chất lượng dữ liệu sau khi hoàn thiện; không công nhận hoàn thành chỉ tiêu nếu chưa bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”.

- Khối lượng thực hiện: 723.212 thửa.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 5/2026 đạt 80% khối lượng thực hiện, dự kiến tháng 6/2026 đạt 100% khối lượng thực hiện.

8. Triển khai xây dựng CSDL đất đai đối với các thửa đất chưa có dữ liệu.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Cục Quản lý đất đai; Cục Chuyên đổi số; Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trung tâm dữ liệu quốc gia - Bộ Công an; Công an tỉnh; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Đề xuất UBND tỉnh phê duyệt phương án, kế hoạch đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và xây dựng CSDL đất đai đối với các khu vực thiếu hoặc bản đồ không đảm bảo chất lượng, CSDL cần phải xây dựng lại bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Thời gian hoàn thành: Ngày 10/5/2026.

- Tổ chức lựa chọn nhà thầu/đơn vị thực hiện (nếu có) theo đúng quy định, trong đó yêu cầu rõ trách nhiệm, sản phẩm, tiến độ và các tiêu chí về chất lượng dữ liệu; có cơ chế giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện. Thời gian hoàn thành: Ngày 10/5/2026.

- Chỉ đạo thu thập, tạo lập dữ liệu đối với các khu vực chưa có CSDL, các công việc cụ thể gồm: Chỉ đạo thu thập, số hóa hồ sơ giấy (giấy chứng nhận, hồ sơ cấp GCN, hồ sơ đo đạc...), nhập dữ liệu vào hệ thống và tích hợp đầy đủ với bản đồ địa chính, bảo đảm tối thiểu đạt tiêu chí “đúng - đủ - sạch” trước khi đưa vào vận hành; phối hợp UBND cấp xã và các đơn vị chuyên môn tổ chức đo đạc, kê khai đăng ký đất đai, thu thập hồ sơ pháp lý (Giấy chứng nhận, tài liệu đo đạc) đối với các thửa đất chưa có trong hệ thống; đẩy mạnh việc huy động người dân cung cấp thông tin đất đai, bản chụp Giấy chứng nhận qua ứng dụng VneID; hoàn thiện việc tổ chức CSDL đất đai theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; xây dựng Mã định danh duy nhất cho 100% thửa đất (kể cả thửa đất mới đo đạc).

- Khối lượng thực hiện: 1.165.998 thửa.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 11 năm 2026.

9. Tiếp tục thực hiện hoạt động đối khớp, xác thực thông tin của người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất với CSDL quốc gia về dân cư đối với các trường hợp còn lại chủ sử dụng đất chưa xác thực, bổ sung, hoàn thiện dữ liệu lịch sử, đảm bảo CSDL đất đai “đúng - đủ - sạch - sống”.

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công an cấp xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Kết quả: Thông tin dữ liệu chủ sử dụng đất được xác thực với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- Khối lượng thực hiện: 40.501 chủ sử dụng đất cần xác thực.
- Thời gian hoàn thành: Tháng 6 năm 2026.

10. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an ninh, an toàn hệ thống CSDL đất đai

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường
- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã;
- Kết quả:

+ Bố trí, nâng cấp hạ tầng CNTT phục vụ xây dựng, hoàn thiện và vận hành CSDL đất đai (máy chủ, thiết bị lưu trữ, đường truyền, thiết bị bảo mật, hệ thống sao lưu, dự phòng...) đáp ứng yêu cầu về hiệu năng và an toàn thông tin; tổ chức đánh giá, kiểm tra an ninh mạng, an toàn dữ liệu đối với hệ thống CSDL đất đai trên địa bàn; triển khai các biện pháp bảo vệ, kiểm soát truy cập, ghi nhật ký, phát hiện và xử lý sự cố kịp thời; bảo đảm CSDL đất đai của tỉnh đáp ứng các điều kiện kết nối, chia sẻ, đồng bộ với CSDL quốc gia về đất đai và các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành khác theo quy định.

+ Thường xuyên phối hợp Công an tỉnh kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cấp độ phù hợp cho hệ thống CSDL đất đai; xây dựng phương án dự phòng, sao lưu dữ liệu và ứng phó sự cố để đảm bảo hoạt động liên tục.

- Thời gian hoàn thành: Thường xuyên

11. Bố trí và huy động nguồn lực để hoàn thành CSDL đất đai

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Tài chính.
- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan, bố trí đầy đủ, kịp thời kinh phí từ ngân sách địa phương cho các nhiệm vụ đo đạc, số hóa, nhập dữ liệu, làm sạch, đồng bộ và vận hành CSDL đất đai 2026. Thời gian hoàn thành: Tháng 5 năm 2026.

- Rà soát, kiện toàn đội ngũ công chức, viên chức, người lao động làm công tác đất đai và CNTT; tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sử dụng hệ thống CSDL đất đai.

- Nghiên cứu, huy động các nguồn lực hợp pháp khác (lòng ghép chương trình, dự án; hợp tác, đặt hàng dịch vụ CNTT...) nhưng bảo đảm dữ liệu đất đai luôn thuộc quyền quản lý, kiểm soát của Nhà nước.

12. Tăng cường phối hợp liên ngành để triển khai và khai thác CSDL đất đai

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Thuế tỉnh An Giang; Sở Xây dựng; Sở Tư pháp.

- Kết quả: Thiết lập các cơ chế làm việc liên ngành (tổ công tác liên ngành, tổ kỹ thuật...) để xử lý nhanh các vướng mắc về kỹ thuật, pháp lý trong quá trình hoàn thiện, sử dụng CSDL đất đai, chia sẻ và khai thác CSDL đất đai; đảm bảo việc sử dụng CSDL đất đai trong các lĩnh vực thuế, tài chính, quy hoạch, xây dựng, tín dụng, đăng ký giao dịch bảo đảm... được thực hiện thống nhất, đúng quy định.

- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

13. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hoàn thành CSDL đất đai

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện Kế hoạch 2026 tại các xã; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những nơi chậm tiến độ, chất lượng dữ liệu không bảo đảm; sử dụng các công cụ giám sát do Trung ương cung cấp để theo dõi thời gian thực về tiến độ và chất lượng hoàn thiện dữ liệu theo từng nhóm thửa đất; xây dựng cơ chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện giữa các đơn vị, địa bàn trong tỉnh; gắn kết quả này với công tác thi đua, khen thưởng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

14. Đồng bộ dữ liệu về Trung ương

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Thực hiện đồng bộ dữ liệu đất đai của tỉnh về CSDL quốc gia về đất đai tại Trung ương theo chế độ thời gian thực (ngay khi có phát sinh giao dịch hoặc cập nhật mới).

- Thời gian hoàn thành: thường xuyên.

15. Tái cấu trúc quy trình thủ tục hành chính

- Đơn vị chủ trì: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Kết quả: rà soát, tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai trên cơ sở sử dụng tối đa CSDL đất đai và CSDL quốc gia về dân cư. Cắt giảm yêu cầu nộp/xuất trình giấy tờ giấy đối với các thông tin đã có trong CSDL (như thông tin cư trú, thông tin thửa đất đã số hóa); mở rộng danh mục thủ tục

hành chính trong lĩnh vực đất đai thực hiện trực tuyến toàn trình; bảo đảm các hệ thống dịch vụ công trực tuyến được kết nối, khai thác trực tiếp từ CSDL đất đai đã hoàn thiện; sử dụng CSDL đất đai như một lớp dữ liệu nền trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác của địa phương (quy hoạch, đầu tư công, tài chính, thuế, quản lý đô thị...), góp phần nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trên địa bàn.

- Thời gian hoàn thành: tháng 5 năm 2026.

16. Sơ kết, tổng kết và duy trì bền vững CSDL đất đai sau năm 2026

- Đơn vị chủ trì thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Đơn vị phối hợp: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Kết quả: Tổ chức sơ kết giữa kỳ và tổng kết việc hoàn thành CSDL đất đai năm 2026; đánh giá đầy đủ kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; xây dựng kế hoạch duy trì, cập nhật, vận hành CSDL đất đai giai đoạn sau năm 2026, bảo đảm dữ liệu luôn “đúng - đủ - sạch - sống” và được sử dụng thường xuyên trong quản lý nhà nước; đề xuất, kiến nghị Trung ương (Chính phủ, các bộ, ngành) về cơ chế, chính sách, nguồn lực, hướng dẫn kỹ thuật để tiếp tục hoàn thiện, khai thác hiệu quả CSDL đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

1.1. Làm đầu mối, thành lập Ban chỉ đạo, Tổ công tác tại cấp tỉnh, xây dựng kế hoạch chi tiết và chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về chất lượng, tiến độ thực hiện Kế hoạch theo các quy định hiện hành.

1.2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã và các tổ chức có liên quan chủ động lựa chọn ngay đơn vị có kinh nghiệm để thực hiện các nhiệm vụ, tùy điều kiện cụ thể để lồng ghép các nhiệm vụ, chương trình, dự án liên quan đến đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng CSDL đất đai, chính quyền số, chính quyền điện tử để phối hợp triển khai thông suốt, đảm bảo tiến độ và chất lượng sản phẩm.

1.3. Chỉ đạo Chi cục quản lý đất đai phối hợp với UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh tổ chức rà soát, đánh giá toàn diện số lượng, chất lượng bản đồ, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ. Trên cơ sở đó, đề xuất UBND tỉnh phê duyệt phương án, kế hoạch đo đạc lập, chỉnh lý bản đồ địa chính và xây dựng CSDL đất đai đối với các khu vực thiếu hoặc bản đồ không đảm bảo chất lượng, CSDL cần phải xây dựng lại bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật.

1.4. Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chi tiết, phân công cụ thể, tiến độ rõ ràng tiếp tục thực hiện rà soát, thu thập, hoàn thiện, chuẩn hóa hồ sơ địa chính và xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai thống nhất và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai của Tỉnh; thường xuyên cập nhật hồ sơ địa chính vào hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai; kiểm

tra, chuẩn hóa dữ liệu thửa đất, người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; phối hợp với Công an tỉnh xác thực thông tin người sử dụng đất theo mã định danh cá nhân.

1.5. Căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương, các dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có trên thị trường và phương thức thuê dịch vụ vận hành, duy trì hệ thống thông tin đất đai theo tài khoản người dùng hoặc theo đơn vị hành chính để xây dựng dự toán, lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ.

1.6. Lựa chọn phương thức thuê dịch vụ vận hành, duy trì hệ thống thông tin đất đai đảm bảo việc cập nhật, chỉnh lý khai thác cơ sở dữ liệu được thực hiện thường xuyên, liên tục đảm bảo dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”.

1.7. Thường xuyên tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng tiến độ xây dựng, hoàn thiện và vận hành cơ sở dữ liệu địa chính trong giai đoạn hiện nay và tiếp tục cập nhật, phát triển các lớp dữ liệu khác trong các năm tiếp theo đáp ứng yêu cầu dữ liệu đất đai là một trong các dữ liệu cốt lõi, nền tảng cho chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

1.8. Tổ chức thực hiện các công việc nêu trên để thực hiện đảm bảo tiến độ, kiểm tra công việc thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ và yêu cầu. Tổng hợp nguồn kinh phí cần bổ sung, kịp thời gửi Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách. Các trường hợp có thay đổi về quy định, chính sách, phát sinh nội dung mới, vượt thẩm quyền giải quyết thì kịp thời báo cáo, đề xuất cụ thể với cấp có thẩm quyền.

1.9. Định kỳ hằng tháng tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả cụ thể thực hiện Kế hoạch.

1.10. Chủ trì tổng hợp dự toán từ các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan theo quy định và phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí thực hiện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

2.1. Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác tại cấp xã, cử một (01) Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường (có văn bản phân công công tác, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường) làm đầu mối để tiếp nhận thông tin và chỉ đạo giải quyết kịp thời công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, địa bàn.

2.1. Khẩn trương cung cấp hồ sơ, số liệu, tài liệu có liên quan, cụ thể:

Các tài liệu liên quan đến biến động đất đai và chủ sử dụng đất, tài liệu về quy hoạch các dự án, công trình, lộ giới, chỉ giới giao thông đường bộ, đường sông... trên địa bàn cấp xã, các quyết định của các cấp có thẩm quyền về quản lý, sử dụng đất; sản phẩm của các dự án đo đạc bản đồ địa chính được lưu trữ tại địa phương.

2.3. Chỉ đạo phòng, ban, đơn vị và các ngành liên quan trên địa bàn:

- Rà soát hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn; xác nhận nguồn gốc, thời

điểm sử dụng đất và tình trạng tranh chấp.

- Phối hợp với Công an địa phương đối chiếu thông tin người sử dụng đất với dữ liệu dân cư.

- Phối hợp với Văn phòng đăng ký đất đai và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tiếp tục thu thập hồ sơ, tài liệu để tiếp tục làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai; thường xuyên rà soát, cập nhật thông tin tài liệu, dữ liệu bản đồ địa chính đã tiếp nhận, đặc biệt trong công tác chỉnh lý và cập nhật dữ liệu trong công tác giải phóng mặt bằng, thu hồi đất,...

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong quá trình xác định, xác nhận ranh giới, chỉnh lý, biên tập bản đồ, cập nhật dữ liệu..., hồ sơ địa chính.

- Cử cán bộ thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc theo địa bàn các xã, phường, đặc khu và bố trí lịch trực tiếp tham gia công tác kê khai, đăng ký để hoàn thiện các thủ tục kê khai đăng ký theo quy định.

- Đảm bảo an toàn, an ninh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại địa phương.

2.4. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, đăng tin để người dân, doanh nghiệp nắm bắt thông tin về chủ trương, mục đích, yêu cầu, ý nghĩa, tầm quan trọng, lợi ích, kế hoạch thực hiện; thông tin sâu rộng về quyền và trách nhiệm của từng chủ sử dụng đất trước và trong thời gian các đơn vị thực hiện Kế hoạch trên địa bàn. Niêm yết các thông báo và các quy định, hướng dẫn về đo đạc, quản lý biến động tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu nơi công cộng.

2.5. Đối với các công việc do Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã sau khi tự cân đối, tổng hợp kinh phí gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung (nếu có).

2.6. Ủy ban nhân dân cấp xã phân công trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho Trưởng phòng và công chức Phòng Kinh tế/Kinh tế, hạ tầng và đô thị, các phòng, đơn vị khác có liên quan thực hiện Kế hoạch, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao liên quan đến Kế hoạch.

3. Công an tỉnh:

3.1. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã để làm sạch, đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, xác thực thông tin nhân thân của người sử dụng đất thông qua dữ liệu dân cư quốc gia; chuẩn hóa thông tin chủ sử dụng đất theo mã định danh cá nhân.

3.2 Phối hợp với Cục Cảnh sát QLHC về TTXH trong việc đối khớp, xác thực thông tin, dữ liệu của người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở trong Cơ sở dữ

liệu do Sở Nông nghiệp và Môi trường cung cấp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

3.3. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch đảm bảo nội dung, kết quả và tiến độ đề ra;

3.4. Bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu của hệ thống đang vận hành của tỉnh, xây dựng phương án, ứng phó các sự cố có thể xảy ra.

3.5. Hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã các nội dung đột xuất, các nội dung cần thiết khác, đáp ứng yêu cầu về dữ liệu (an ninh mạng, bảo mật thông tin, thiết lập quyền chia sẻ, truy nhập...).

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

Chỉ đạo Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục rà soát, tái cấu trúc quy trình, nghiệp vụ thủ tục hành chính đất đai, đề xuất ưu tiên xây dựng và triển khai dịch vụ công toàn trình để cắt giảm, không yêu cầu người dân phải đính kèm giấy tờ khi đã có trong dữ liệu đáp ứng yêu cầu thực chất, đơn giản, thuận lợi, dễ tiếp cận, dễ sử dụng để tiếp nhận, giải quyết các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

5. Sở Tài chính:

5.1. Trên cơ sở đề xuất nhu cầu kinh phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường và theo khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh nguồn kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch lồng ghép với kinh phí thực hiện từ nguồn vốn trung ương bổ sung có mục tiêu, các chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo khả năng cân đối ngân sách, nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

5.2. Cử cán bộ chuyên môn đã có nhiều kinh nghiệm để phối hợp, đảm bảo việc hướng dẫn thực hiện Kế hoạch kịp thời, đồng bộ, xuyên suốt, đảm bảo tính cấp bách, cần đẩy nhanh tiến độ để đáp ứng yêu cầu, chỉ đạo.

6. Sở Khoa học và Công nghệ:

6.1. Phối hợp chặt chẽ, hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Môi trường kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu đất đai với các cơ sở dữ liệu khác, trước mắt là Cổng dịch vụ công và kết nối liên thông với cơ quan thuế để tạo điều kiện thuận lợi, nhanh chóng, minh bạch cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính với các cơ quan Nhà nước.

6.2. Hướng dẫn định hướng, chuẩn dữ liệu để các ngành có thể cập nhật, chia sẻ dữ liệu, khai thác... đáp ứng yêu cầu về chuyển đổi số và quản lý.

7. Các sở, ban, ngành, tổ chức khác:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức liên quan trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

8. Các sở, ngành tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu được phân công

thực hiện nhiệm vụ tại Mục III của Kế hoạch này, **định kỳ ngày 30 hàng tháng** có trách nhiệm báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, hướng dẫn, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT và các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, P. KT;
- Trung tâm phục vụ Hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, tbtri, “HT”.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thúc